**Ngày soạn: 15/9/22 BGH kí duyệt: 25/9/23**

**Ngày dạy:**

**BÀI 5:**

**VỊ TRÍ ĐỊA LÍ. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU Á**

Thời gian thực hiện: 03 tiết (**tiết 9,10,11**)

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.

- Trình bày những đặc điểm thiên nhiên châu Á (địa hình, khoáng sản, sông ngòi, khí hậu, đới thiên nhiên), ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên.

+ Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, hình ảnh, video, ...).

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ : Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).

- Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ tự nhiên; sử dụng hợp lí, khai thác đi đôi phục hồi tài nguyên thiên nhiên; phòng tránh thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bản đồ tự nhiên châu Á. Bản đồ các đới và kiểu khí hâu ở châu Á.

- Một số hình ảnh, video về cảnh quan tự nhiên châu Á (đỉnh Ê-vơ-rét, các sông lớn, sinh vật, ...).

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động mở đầu**

a. Mục tiêu: Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV cho hs chơi trò chơi nhìn hình bắt ý, gv chiếu một số hình ảnh minh họa về các châu lục, nhận diện những bức tranh đó đại diện cho châu lục nào?

- Bước 2: HS đưa ra câu trả lời dựa vào kiến thức của bản thân qua các hình ảnh

- Bước 3: HS khác nghe câu trả lời của bạn, bổ sung ý kiến.

- Bước 4: GV nhận xét, hỏi dẫn dắt chúng ta đang sống ở châu lục nào? *Hãy chia sẻ một số thông tin em biết về châu Á.*

 GV cung cấp thêm một số thông tin, giới thiệu về châu Á sau đó dẫn dắt vào bài mới.

Châu Á là một bộ phận của lục địa Á - Âu. Châu Á có diện tích rộng lớn, tiếp giáp nhiều châu lục và đại dương, có sự đa dạng về đặc điểm tự nhiên*.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Tìm hiểu về đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ.**

**NV1**: HS làm việc cá nhân: Đọc thông tin trong mục 1 và H1 – Gv chiếu H1

- *Xác định vị trí châu Á trên bản đồ?*

*- Trình bày vị trí địa lí, hình dạng của châu Á?*

*- Châu Á tiếp giáp với châu lục và đại dương nào?*

*- Quan sát bảng số liệu diện tích các châu lục, nhận xét diện tích của châu Á?*

**Diện tích các châu lục:**

|  |  |
| --- | --- |
| Châu lục | Diện tích (triệu km2) |
| 1. Châu Á | 44,4 |
| 2. Châu Âu | 10 |
| 3. Châu Mĩ | 42 |
| 4. Châu Nam Cực | 14 |
| 5. Châu Phi | 30 |
| 6. Châu Ðại Dương | 8,5 |

*- Nêu ý nghĩa của vị trí địa lí và kích thước lãnh thổ đến khí hậu châu Á?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

HS làm việc cá nhân, đọc thông tin SGK và quan sát Hình 1 và bảng số liệu trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả.**

GV gọi HS bất kì báo cáo kết quả. Các HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung.

- Yêu cầu HS nêu được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng, kích thước của châu Á.

- Ý nghĩa của VTĐL, hình dạng, kích thước tới khí hậu:

+ Lãnh thổ nằm trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích Đạo nên lượng bức xạ MT phân bố không đều => hình thành các đới khí hậu thay đổi từ B xuống N.

+ Kích thước lãnh thổ rộng lớn làm cho khí hậu có sự phân hóa từ Đ sang T thành nhiều kiểu KH khác nhau do vị trí gần hay xa biển.......

**Bước 4: Nhận xét, đánh giá.**

Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh.

Chuẩn kiến thức:

|  |
| --- |
| *- Nằm ở nửa cầu Bắc, là một bộ phận của lục địa Á- Âu**- Tiếp giáp với 2 châu lục và 3 đại dương**- Diện tích 44,4 triệu km2 (tính cả đảo) -> là châu lục lớn nhất thế giới.* *- Châu Á có dạng hình khối.* *+ Theo chiều bắc - nam, kéo dài khoảng 8500 km, từ trên vòng cực Bắc xuống phía nam Xích đạo.* *+ Theo chiều đông - tây, nơi rộng nhất khoảng 9200 km.* |

GV giới thiệu thêm: về đảo Ca-li-man-tan (mục em có biết)

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên**

**Hoạt động 2.2.1. Tìm hiểu đặc điểm địa hình và khoáng sản**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được đặc điểm địa hình, khoáng sản châu Á, ý nghĩa của địa hình và khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.

**b. Tổ chức thực hiện**

**\* Bước 1: Giao nhiệm vụ**

*? Châu Á có những dạng địa hình chính nào?*

*? Xác định trên bản đồ các khu vực địa hình của Châu Á.*

Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm.

 Các thành viên làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ nhóm mình được giao.

**Đọc thông tin mục 2a và 2b (SGK), quan sát hình 1.**

**Nhóm 1, 3:**

*- Nêu đặc điểm địa hình của châu Á và ý nghĩa của địa hình đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.*

**Nhóm 2, 4:**

*- Xác định trên hình 1, sự phân bố của một số loại khoáng sản chính ở Châu Á*

*- Tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa như thế nào đối với các nước Châu Á?*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần tự nhiên** | **Địa hình** | **Khoáng sản** |
| Trung tâm |  |  |
| Phía bắc |  |  |
| Phía đông |  |  |
| Phía nam và tây nam |  |  |
| Ý nghĩa |  |  |

 **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi.

Sản phẩm dự kiến của HS.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần tự nhiên** | **Địa hình** | **Khoáng sản** |
| Trung tâm | Là vùng núi cao, đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới. | Ít khoáng sản. |
| Phía bắc | Gồm các đồng bằng và các cao nguyên thấp, bằng phẳng. | Dầu mỏ, khí đốt, than, vàng, kim cương, thiếc,... |
| Phía đông | Địa hình thấp dần về phía biển, gồm các núi, cao nguyên và đồng bằng ven biển. | Than, sắt, thiếc, dầu mỏ,... |
| Phía nam và tây nam | Gồm các dãy núi trẻ, các sơn nguvên và đồng bằng nằm xen kẽ. | Dầu mỏ, sắt, thiếc, than, ... |
| Ý nghĩa | * Địa hình núi cao và hiểm trở chiếm tỉ lệ lớn gây khó khăn cho giao thông, sản xuất và đời sống. Địa hình chia cắt mạnh nên cần lưu ý vấn đề chống xói mòn, sạt lở đất trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Các khu vực cao nguyên, đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho sx và định cư. | Là cơ sở để phát triển các ngành khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản; cung cấp nguyên liệu cần thiết cho các ngành công nghiệp như sản xuất ô tô, luyện kim,... |

**Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc**

Gọi đại diện các nhóm báo cáo.

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận**

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.

- Chuẩn kiến thức

|  |
| --- |
| **2. Đặc điểm tự nhiên** |
| **a. Địa hình**- Rất đa dạng: Gồm núi, sơn nguyên cao đồ sộ, cao nguyên, các đồng bằng rộng lớn. Địa hình bị chia cắt mạnh.- Địa hình được chia thành các khu vực:+ Trung tâm: Là vùng núi cao, đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới.+ Phía bắc: Gồm các đồng bằng và các cao nguyên thấp, bằng phẳng.+ Phía đông: Địa hình thấp dần về phía biển, gồm các núi, cao nguyên và đồng bằng ven biển.+ Phía nam và tây nam: Gồm các dãy núi trẻ, các sơn nguyên và đồng bằng nằm xen kẽ.**b. Khoáng sản**- Phong phú và có trữ lượng lớn. Quang trọng nhất: dầu mỏ, than đá, sắt, .... phân bố rộng khắp trên lãnh thổ.- Ý nghĩa: + Là cơ sở để phát triển các ngành khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản.+ Cung cấp nguyên liệu cần thiết cho các ngành công nghiệp sx ô tô, luyện kim |

**Hoạt động 2.2.2: Tìm hiểu về đặc điểm khí hậu**

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm khí hậu châu Á, ý nghĩa của khí hậu đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Xác định được phạm vi các kiểu khí hậu ở châu Á.

b. Tổ chức thực hiện:

**Bước 1:** Giao nhiệm vụ

**Nhiệm vụ 1 - Cá nhân:** Dựa vào hình 2, nội dung mục 2c, các em hãy hoàn thiện nội dung phiếu học tập sau:

*- Kể tên các đới KH ở châu Á dọc theo KT 1000Đ -> NX và giải thích NN.*

*- Kể tên các kiểu khí hậu dọc theo vĩ tuyến 400 B -> NX -> giải thích NN*

*- Những kiểu KH nào chiếm diện tích lớn nhất*

**Nhiệm vụ 2 – HĐ nhóm bàn:** Dựa vào hình 2, nội dung mục 2c, các em hãy hoàn thiện nội dung phiếu học tập sau:

- Dãy ngoài tìm hiểu KH gió mùa.

- Dãy trong tìm hiểu KH lục địa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiểu khí hậu** | **Khí hậu gió mùa** | **Khí hậu lục địa** |
| Phân bố |  |  |
|  Đặc điểm |  |  |

**Nhiệm vụ 3- Thảo luận cặp đôi:** Nêu ý nghĩa của khí hậu đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên?

**Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân/nhóm.

- Sp nhiệm vụ 3:

+ KH phân hóa tạo nên sự đa dạng của sản phẩm nông nghiệp và hình thức du lịch ở các kv khác nhau.

+ Đây là nơi chịu nhiều thiên tai và biến đổi KH.

**Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi học sinh các nhóm báo cáo.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

|  |
| --- |
| **c. Khí hậu**- Khí hậu châu Á phân hóa đa dạng thành nhiều đới.- Ở mỗi đới lại phân hóa thành nhiều kiểu khác nhau- Các kiểu khí hậu phổ biến:\* Khí hậu gió mùa - Phân bố: Đông Á, Nam Á, Đông Nam Á.- Đặc điểm:+ Mùa đông: khô, lạnh- ít mưa. + Mùa hạ: nóng, ấm, mưa nhiều.  -> Là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão.\* Khí hậu lục địa- Phân bố chủ yếu ở các vùng nội địa và khu vực Tây Á. - Đặc điểm+ Mùa đông khô, lạnh+ Mùa hạ khô, nóng.+ Lượng mưa rất thấp, trung bình 200 - 500 mm/năm. |

*? Tại sao có sự khác nhau về đặc điểm giữa kiểu khí hậu gió mùa và kiểu khí hậu lục địa?*

*? Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào? Kiểu khí hậu nào?*

**Hoạt động 2.2.3: Tìm hiểu về đặc điểm sông, hồ và đới thiên nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- Trình bày được đặc điểm sông, hồ châu Á và ý nghĩa của sông, hồ đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên của châu Á và ý nghĩa của các đới thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV cho HS quan sát lược đồ 1.2 SGK trang 5 hoặc bản đồ tự nhiên châu Á trả lời các câu hỏi sau:

+ Tên các hệ thống sông lớn của châu Á?

+ Nêu đặc điểm chung của sông ngòi châu Á?

- Nhiệm vụ 1. Nhóm bàn tìm hiểu các khu vực sông với nội dung.

**THẢO LUẬN NHÓM** (Bàn) (5 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Các khu vực sông** | **Đặc điểm chính** |
| Bắc Á |  |
| Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á |  |
| Tây Nam Á, Trung Á |  |

\* NV2. HĐ cặp đôi*:*

*? Xđ trên lược đồ các hồ lớn châu Á? Nguồn gốc các hồ này.*

*? Nêu giá trị kinh tế của sông ngòi châu Á đối với sinh hoạt, sản xuất và bảo vệ tự nhiên.*

**Bước 2:** HS thực hiện các nhiệm vụ

**Bước 3:** Các nhóm thảo luận. Đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4:** GV chuẩn xác kiến thức. GV liên hệ giá trị KT sông ngòi nước ta. Qua đó, giáo dục HS ý thức bảo vệ sông ngòi.

|  |
| --- |
| **d. Sông, hồ****- Mạng lưới sông khá phát triển với nhiều hệ thống sông lớn (I-ê-nit-xây, Trường Giang, Mê-Công, Ấn, ...) nhưng phân bố không đều và chế độ nước phức tạp.****- Các khu vực sông:****+ Bắc Á: mạng lưới sông dày, mùa đông nước đóng băng, mùa xuân có lũ do băng tan.****+ Đông Á, Đông Á, ĐNÁ : mạng lưới sông dày, nhiều sông lớn, mùa lũ trùng mùa mưa, mùa cạn trùng mùa khô.****+ Tây và Trung Á: ít sông, nguồn cung cấp nước chủ yếu do tuyết, băng tan.****- Các hồ lớn: Bai-can, ....****- Giá trị: tạo nên đồng bằng, giao thông, thủy điện, cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, du lịch, thủy sản.** |

GV mở rộng:

*Nêu ít nhất 1 biện pháp nhằm khai thác bền vững nguồn nước sông, hồ.*

 Mở rộng các nội dung kiến thức về:

- Một số sông lớn ở châu Á: sông Lê na, sông I-ê-nit-xây, sông Ấn, sông Hằng, sông Trường Giang, sông Hoàng Hà (GV yêu cầu HS truy cập Internet, tra cứu theo tên của các con sông lớn ở châu Á. Sau đó, GV gọi 1 – 2 HS trình bày hiểu biết về 1 sông lớn trong thời gian 1 phút.

- Giá trị sông ngòi châu Á, liên hệ Việt Nam với giá trị của hệ thống sông Cửu Long.

**Hoạt động 2.2.4: Tìm hiểu về đới thiên nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên của châu Á và ý nghĩa của các đới thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

b. Tổ chức thực hiện:

**- Bước 1**.

*? Kể tên các đới cảnh quan của châu Á theo thứ tự từ Bắc xuống Nam.*

HĐ nhóm hoàn thành Phiếu học tập 2:

Đọc nội dung phần “Đới thiên nhiên” trang 113 SGK hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các đới thiên nhiên** | **Đới lạnh** | **Đới ôn hòa** | **Đới nóng** |
| Phạm vi phân bố |  |  |  |
| Đặc điểm khí hậu |  |  |  |
| Đặc điểm cảnh quan (động, thực vật) |  |  |  |

**- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS chuẩn bị các nội dung ở nhà.

+ Giáo viên hỗ trợ giúp đỡ học sinh thực hiện nhiệm vụ.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**+** GV mời đại diện các nhóm báo cáo các nội dung.

+ Các nhóm còn lại tham gia đóng góp ý kiến và nhận xét.

- Một số loại cảnh quan ứng với các đới thiên nhiên: rừng nhiệt đới ẩm, rừng lá kim, hoang mạc và bán hoang mạc, …

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên nhận xét, đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ của HS và tổng kết.

|  |
| --- |
| **e, Đới thiên nhiên*****- Đới lạnh:***+ Phân bố: phía bắc châu lục.+ Thời tiết khắc nghiệt và có gió mạnh.+ Thực vật: nghèo nàn chủ yếu là rêu và địa y.+ Động vật: các loài chịu lạnh hoặc di cư.***- Đới ôn hòa:***+ Chiếm diện tích lớn nhất.+ Khí hậu: càng vào sâu trong nội địa càng khô hạn.+ TV: phân hóa từ rừng lá kim sang rừng lá rộng, thảo nguyên rừng và thảo nguyên ***- Đới nóng***+ Phân bố: Đông Nam Á, Nam Á+ Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo.+ Thực vật điển hình: rừng nhiệt đới; đa dạng nhiều loài gỗ, động vật quý hiếm. |

GV mở rộng:

*- Giải thích nguyên nhân vì sao cảnh quan tự nhiên của châu Á rất đa dạng?*

-> Nguyên nhân phân bố của một số cảnh quan: do sự phân hoá đa dạng về các đới, các kiểu khí hậu…

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

**-** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về đặc điểm tự nhiên và vấn đề khai thác sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.

**b) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh:

\* Nhiệm vụ 1. Tham gia trò chơi AI NHANH HƠN?

GV chiếu câu hỏi trên máy chiếu yêu cầu học sinh theo dõi và thi xem ai trả lời nhanh hơn.

*1. Diện tích của châu Á?*

*2. Châu Á tiếp giáp với các châu lục nào?*

*3. Kể tên 2 loại khoáng sản có trữ lượng lớn ở châu Á?*

*4. Đỉnh núi cao nhất ở châu Á?*

*5. Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á thuộc kiểu khí hậu nào?*

*6. Khu vực nào có mạng lưới sông ngòi kém phát triển nhất ở châu Á?*

\* Nhiệm vụ 2. *Trình bày một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á và ý nghĩa của đặc điểm đó với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.*

**Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ

NV 2. Hs lựa chọn 1 trong 5 đặc điểm thiên niên để trình bày.

**Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc

- Hs tham gia trả lời bằng cách giơ tay nhanh nhất.

- Trình bày nhiệm vụ 2.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét, đánh giá tinh thần, thái độ, kết quả học tập của HS.

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

**-** HS vận dụng kiến thức đã học để phát triển năng lực tìm hiểu địa lí, kĩ năng địa lí vào cuộc sống, đồng thời phát triển năng lực tự chủ và tự học.

- Nâng cao khả năng tìm hiểu kiến thức thông qua sách, báo, mạng internet… phục vụ cho quá trình học tập.

**b) Tổ chức thực hiện**

- GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà hoàn thành bài tập sau:

 *Tìm hiểu và trình bày về khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta. Khí hậu gió mùa có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống và sản xuất ở địa phương em?*

- GV gợi ý HS tham khảo tài liệu thông qua một số trang web.VD: Một số link tài liệu như:

+ Tính chất nhiệt đới gió mùa của khí hậu Việt Nam:

[*https://www.youtube.com/watch?v=g27v8q4J52w*](https://www.youtube.com/watch?v=g27v8q4J52w)

+ Gió mùa ở Việt Nam:

[*https://www.youtube.com/watch?v=XDl9K0B6-Dk&t=60s*](https://www.youtube.com/watch?v=XDl9K0B6-Dk&t=60s)

+ Vì sao Việt Nam mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa: [*https://www.youtube.com/watch?v=RvgD9-DeNLw*](https://www.youtube.com/watch?v=RvgD9-DeNLw)

**-** HS nhận nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**-** HS thuyết trình bài viết của mình vào đầu tiết học sau;